

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2024/DS-ST

Ngày: 28-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Thiết Lập;
- Ông Nguyễn Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2024/TLST-DS ngày 23/4/2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ D, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977, vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974, vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Tổ F, ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23/4/2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị L có mối quan hệ quen biết với vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N và bà L có tham gia 03 dây hụi do vợ chồng bà T, ông N làm thảo hụi, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất, khai ngày 20/12/2020 (A1), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, trong đó bà L tham gia 01 phần và đã đóng được đến ngày 20/02/2022 (A1) được 15 kỳ.

Dây thứ hai, khai ngày 10/4/2021(A1), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, trong đó bà L tham gia 01 phần và đã đóng được đến ngày 10/01/2022 (A1) được 11 kỳ.

Dây thứ ba, khai ngày 10/8/2022 (A1), hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 17 phần, trong đó bà L tham gia 01 phần và đã đóng được đến ngày 10/01/2023 (A1) được 06 kỳ.

Ngày 15/6/2023 (A1) nhằm ngày 01/8/2023, bà T viết giấy chốt nợ 03 phần hụi trên cho bà L với số tiền 39.810.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà T không trả cho bà L số tiền trên nên bà L mới khởi kiện.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T và ông N trả cho bà L số tiền vay 39.810.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L chỉ quen biết không quan hệ họ hàng. Bà T và ông Nguyễn Văn N trước đây là vợ chồng (sống chung năm 1994, đến tháng 06/2023 thì ly hôn, hiện nay bà và ông N không còn chung sống với nhau. Bà T bắt đầu làm thảo hụi vào năm 2016 cho đến năm 2023 thì ngưng cho đến nay. Bà L có tham gia 03 dây hụi do bà T làm thảo hụi và 03 dây hụi bà T còn nợ bà L và đang tranh chấp tại Tòa án, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất, khai ngày 20/12/2020 (A1), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, trong đó bà L tham gia 01 phần hụi, đã đóng được đến ngày 20/02/2022 (A1) được 15 kỳ.

Dây thứ hai, khai ngày 10/4/2021(A1), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, trong đó bà L tham gia 01 phần hụi và đã đóng được đến ngày 10/01/2022 (A1) được 11 kỳ.

Dây thứ ba, khai ngày 10/8/2022 (A1), hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 17 phần, trong đó bà L tham gia 01 phần đã đóng được đến ngày 10/01/2023 (A1) được 06 kỳ.

Hai dây hụi trên thì có dây hụi ngày 10/4/2021 (AL) đã mãn, nhưng bà T không có tiền trả cho bà L vì bà T bị nhiều người giạt hụi. Giữa bà T và bà L có làm giấy chốt nợ vào ngày 15/6/2023 (A), số tiền chốt nợ là 39.810.000 đồng, tuy nhiên, sau đó bà T đã trả cho bà L được số tiền 5.000.000 đồng, trả bằng tiền mặt, nhưng bà T không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bà T đã trả cho bà L

được số tiền 5.000.000 đồng. Khi làm thảo hụi, bà T có lập danh sách hụi và giao cho các hụi viên. Khi đến kỳ khui hụi, có lúc bà T đến nhà hụi viên gom hụi, có lúc các hụi viên đến nhà bà T đóng hụi, ghi vào sổ hụi. Mục đích bà T làm thảo hụi để được hưởng tiền hoa hồng (tiền cò), số tiền này bà T sử dụng sinh hoạt trong gia đình như ăn uống trong nhà. Ông N không có nghề nghiệp, chỉ ở nhà chăn nuôi, các chi tiêu sinh hoạt trong nhà do bà T lo liệu. Bà T có thuyết phục và trao đổi với ông N cùng có nghĩa vụ trả tiền với bà T nhưng ông N không đồng ý.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu bà trả 39.810.000 đồng tiền hụi thì bà T đồng ý trả cho bà L số tiền bà L thực đóng, bà T sẽ cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh số tiền mà bà L thực đóng, nếu bà T không cung cấp được thì Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà T không trình bày gì thêm.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: **Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;** Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phùng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T và ông N cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi là 39.810.000 đồng, ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

- Về án phí: Bà T và ông N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L là bà Đỗ Thị M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L, bà M, bà T và ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L có tham gia 03 dây hụi do vợ chồng bà T, ông N làm thảo hụi, cụ thể, dây thứ nhất, khai ngày 20/12/2020 (A1), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, trong đó bà L tham gia 01 phần hụi, đã đóng được đến ngày 20/02/2022 (A1) được 15 kỳ; dây thứ hai, khai ngày 10/4/2021(A1), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, trong đó bà L tham gia 01 phần hụi và đã đóng được đến ngày 10/01/2022 (A1) được 11 kỳ; dây thứ ba, khai ngày 10/8/2022 (A1), hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 17 phần, trong đó bà L tham gia 01 phần đã đóng đến ngày 10/01/2023 (A1) được 06 kỳ. Ngày 15/6/2023 (A1) nhằm ngày 01/8/2023, bà T viết giấy nhận nợ 03 phần hụi trên số tiền 39.810.000 đồng nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả cho bà L được số tiền nào nên bà L mới khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án bà T không đồng ý trả lại cho bà L số tiền 39.810.000 đồng; ông N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, thấy rằng: Việc bà Nguyễn Thị T có mở các dây hụi tháng và bà Nguyễn Thị L có tham gia các dây hụi tháng này là có thật. Khi mở hụi, bà T có lập danh sách hụi và giao cho các hụi viên. Bà T cũng thừa nhận có làm giấy chốt nợ cho bà L số tiền 39.810.000 đồng vào ngày 15/6/2023 Âm lịch. Bà T cho rằng sau ngày 15/6/2023 Âm lịch bà có trả cho bà L được số tiền 5.000.000 đồng, tuy nhiên, bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án ông N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên ông N cũng phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định bà L đã đóng tiền hụi cho bà T được số tiền 39.810.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của bà L về việc yêu cầu ông N (chồng bà T) cùng có trách nhiệm trả số tiền hụi là 39.810.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng, sống cùng nhà với nhau tại ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Bà T làm thảo hụi trong một khoảng thời gian dài (bà T trình bày từ năm 2016 đến năm 2023 thì bẽ hụi), việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do bà T lo liệu, thời điểm bà T làm thảo hụi thì bà T và ông N vẫn còn là vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu ông N cùng có trách nhiệm với bà T trả cho bà L số tiền hụi là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Từ những nhận định trên, cần buộc bà T và ông N có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi là 39.810.000 đồng, trong đó bà L có nghĩa vụ trả số tiền 19.905.000 đồng, ông N có nghĩa vụ trả số tiền 19.905.000 đồng là phù hợp với Điều 471, Điều 288 của Bộ luật Dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia

đình. Ghi nhận, bà L không yêu cầu tính tiền lãi.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà L không phải chịu nên hoàn trả lại cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà T và ông N mỗi người phải chịu 996.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 288 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 39.810.000 (ba mươi chín triệu tám trăm mười nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L 19.905.000 (mười chín triệu chín trăm lẻ năm nghìn) đồng, ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L 19.905.000 (mười chín triệu chín trăm lẻ năm nghìn) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N còn phải trả cho người được thi hành án bà Nguyễn Thị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 1.061.000 (một triệu không trăm sáu mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006123 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 996.000 (chín trăm chín mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Cường